

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

- Ông Phạm Viết Hùng.
- Ông Lê Công Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cầu thành phần trại tạm giam C (T30) Công an Thành phố H, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 275/2023/HSPT ngày 07/8/2023 đối với bị cáo Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn T; sinh ngày 08/6/1993; tại: Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 77/1 ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện tại: 2/45 Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Đầu bếp; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị Mỹ C1; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2022 - Có mặt ở điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam C, Công an Thành phố H.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

+Người bị hại: Chị Hoàng Thị Phương T1, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu được bảo mật thông tin cá nhân).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập: Bà Trần Thị C2,

sinh năm 1991; địa chỉ: số B Đường số A, tổ F, khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2021, thông qua chơi game online Tân Thiên Long M, Trần Văn T quen biết với chị Hoàng Thị Phương T1 và phát sinh quan hệ tình cảm với nhau, mặc dù T biết chị T1 đã có chồng. Đến khoảng cuối tháng 11/2022, do lo sợ mối quan hệ giữa T và chị T1 bị phát hiện nên chị T1 đề nghị chấm dứt mối quan hệ nêu trên và yêu cầu T xóa toàn bộ những hình ảnh, thông tin giữa T và chị T1 khi chụp với nhau. Nếu xóa tất cả hình ảnh và không liên lạc với chị T1 nữa thì chị T1 sẽ cho tiền T nên T đồng ý. Sau đó, T báo với chị T1 là đã thực hiện theo yêu cầu thì chị T1 có chuyển vào số tài khoản 0071001308117 mở tại Ngân hàng V của T, tổng cộng là 120.000.000 đồng (lần 1: ngày 07/12/2022 là 100.000.000 đồng; lần 2: ngày 08/12/2022 là 20.000.000 đồng).

Đến ngày 12/12/2022, do hết tiền tiêu xài, bản thân đang thất nghiệp nên T nảy sinh ý định lợi dụng mối quan hệ bất chính với chị T1 để tạo áp lực, gây sức ép, uy hiếp tinh thần buộc chị T1 phải đưa tiền cho T. Thực hiện ý định, T nhắn tin, liên lạc nhiều lần và đòi gấp, đến công ty, nhà ở, bạn bè của chị T1 đe dọa công khai mối quan hệ bất chính giữa T và chị T1 để tạo áp lực, gây sức ép, uy hiếp tinh thần cho chị T1, mục đích để chị T1 đưa tiền cho T. Sau khi tạo áp lực, gây sức ép uy hiếp tinh thần đối với chị T1, đến ngày 19/12/2022, T yêu cầu chị T1 đưa số tiền 385.000.000 đồng thì T sẽ chấm dứt các việc trên, cam kết không gây phiền phức với chị T1 nữa và hẹn gặp nhau tại quán C3, số A C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo hẹn, khoảng 13h00' ngày 20/12/2022, T đến quán C3 trước đợi chị T1. Đến khoảng 13h30' cùng ngày, chị T1 đến gặp T đồng thời đưa cọc tiền 185.000.000 đồng và nói số tiền còn lại 200.000.000 đồng sẽ chuyển khoản cho T. Do lo sợ chị T1 báo Công an nên T không nhận tiền ngay mà đi ra ngoài quan sát có ai đi cùng chị T1 không. Sau đó, T yêu cầu chị T1 đổi sang quán T2 (số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) để giao dịch đưa tiền. Tại đây, T yêu cầu chị T1 chuyển khoản, không được đưa tiền mặt thì chị T1 nói tài khoản không đủ tiền nên sẽ chuyển khoản vào tài khoản 0071001308117 của T 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt 185.000.000 đồng cho T thì T đồng ý. Tiếp đó, chị T1 yêu cầu T phải viết tờ giấy nhận tiền và cam kết không được làm phiền chị T1 nữa nhưng do sợ bị Công an bắt nên T không đồng ý viết. Lúc này, chị T1 đề cập sẽ viết tờ giấy cam kết tự nguyện đưa tiền cho T, đổi lại T phải viết lại cho chị T1 tờ giấy nhận tiền và cam kết không được làm phiền thì T đồng ý. Viết xong, chị T1 dùng tài khoản số 2680199889999 mang tên chị T1

mở tại Ngân hàng M1 chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng (lần 1: 50.000.000 đồng; lần 2: 150.000.000 đồng) đến tài khoản số 0071001308117 của Trần Văn T mở tại Ngân hàng V và đưa 185.000.000 đồng tiền mặt cho T thì bị trình sát Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Q bắt quả tang, đưa T về trụ sở Công an phường N, Quận A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

+Về dân sự: Vật chứng là số tiền 385.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại nên chị Hoàng Thị Phương T1 không yêu cầu bồi thường thêm khoản gì khác về dân sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2022.

- Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2023, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bản án sơ thẩm xử phạt mức án quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Đến ngày 11/7/2023, bị hại Hoàng Thị Phương T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tăng nặng hình phạt đối với Trần Văn T do hành vi phạm tội của bị cáo gây khủng hoảng tinh thần, sức khỏe của bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại Hoàng Thị Phương T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Đã kết luận bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn T, phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và người bị hại làm đơn kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên được cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ về các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); theo đó, xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới và người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Hoàng Thị Phương T1, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1.

Bị cáo Trần Văn T không tranh luận, bị cáo chỉ nói lời sau cùng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bản thân rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, cho bị cáo cơ hội sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

+Về tố tụng: Người bị hại đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hoàng Thị Phương T1 theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các tài liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (thu giữ đồ vật – tài liệu; niêm phong vật chứng; đối chất), tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng, lời khai của bị hại; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Với động cơ tư lợi bất chính nên từ ngày 12/12/2022, bị cáo Trần Văn T đã dùng thủ đoạn (nhắn tin, gọi điện thoại liên lạc nhiều lần đòi gặp, đến công ty, đến chỗ ở và bạn bè của chị Hoàng Thị Phương T1) để đe dọa sẽ công khai mối quan hệ tình cảm bất chính trước đó giữa bị cáo và chị T1 để tạo áp lực, gây sức ép và uy hiếp tinh thần, buộc chị T1 phải giao tài sản theo yêu cầu của bị cáo đưa ra. Đến khoảng 14h00' ngày 20/12/2022, do khủng hoảng về tinh thần và lo sợ nên chị T1 đã phải giao số tiền 385 triệu đồng cho bị cáo Trần Văn T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang tại quán T2 - số A N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt thuộc trường hợp “có trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, là tình tiết định khung hình phạt.

Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi nêu trên của bị cáo, cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo bị cáo Trần Văn T, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T và người bị hại đều có đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại các Điều 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên về hình thức, được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); để xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù – trong khung hình phạt bị áp dụng từ 07 năm tù đến 15 năm tù, là thỏa đáng không nặng; phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo, đủ tác dụng để giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Xét, kháng cáo của bị cáo Trần Văn T xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới và các tình tiết bị cáo nêu ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, toàn diện khi quyết định hình phạt; nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Hoàng Thị Phương T1 yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T vì không có căn cứ.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, là có căn cứ pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

+Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị hại Hoàng Thị Phương T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm - theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Hoàng Thị Phương T1; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội: “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2022.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND Cấp cao tại Tp . HCM; | (1) |
| - VKSND Tp . HCM; | (3) |
| - VKSND Quận 1; | (1) |
| - THA-DS Quận 1; | (1) |
| - TAND Quận 1; | (2) |
| - Công an Quận 1; | (1) |
| - Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; | (2) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ. (26) | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh